

NĂNG LỰC THÔNG TIN TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC GIAI ĐOẠN 1998-2023: PHÂN TÍCH THƯ MỤC TỪ SỐ LIỆU CỦA SCOPUS

ThS NCS Trịnh Khánh Vân, ThS Đặng Trần Long,
ThS Nguyễn Thị Kim Lê, TS Trần Thị Thanh Vân
Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

Tóm tắt: Trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển mạnh, nhu cầu nâng cao năng lực thông tin trong giáo dục đại học ngày càng cấp thiết giúp giảng viên và sinh viên khai thác hiệu quả các nguồn tài liệu, công cụ học tập trực tuyến và tham gia nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu này đưa ra sự phát triển của các công bố khoa học liên quan đến năng lực thông tin trong giáo dục đại học về: số lượng, mô hình phát triển và xu hướng nghiên cứu trong giai đoạn 1998-2023. Nhóm tác giả áp dụng phương pháp phân tích thư mục với sự hỗ trợ của phần mềm VOSviewer và Biblioshiny (RStudio). Tổng cộng 279 ấn phẩm về năng lực thông tin được thu thập từ cơ sở dữ liệu Scopus giai đoạn 1998-2023 để phân tích. Kết quả: năm 2021 và 2022 có số lượng công bố nhiều nhất; nhận diện các tạp chí uy tín đạt thứ hạng Scopus cao có nhiều công bố về chủ đề này; phân tích từ khóa chỉ ra các chủ đề nghiên cứu tập trung vào năng lực thông tin; xác định các quốc gia và tổ chức đóng góp nhiều ấn phẩm nhất. Kết quả này cho thấy nghiên cứu về năng lực thông tin của giảng viên đại học đang thu hút sự quan tâm ngày càng lớn. Phân tích thư mục toàn diện này cung cấp cơ sở định hướng cho các nghiên cứu tiếp theo và hỗ trợ các nhà quản lý giáo dục trong việc xây dựng chiến lược nâng cao năng lực thông tin.

Từ khóa: Năng lực thông tin; giáo dục đại học; thông tin.

INFORMATION COMPETENCE FOR HIGHER EDUCATION DURING 1998-2023: A BIBLIOMETRIC ANALYSIS FROM SCOPUS DATA

Abstract: In the context of the rapid development of information technology, the need to enhance information literacy in higher education has become increasingly urgent. Improving information literacy helps lecturers and students effectively utilize various information resources and online learning tools. It also enables them to participate more fully in scientific research activities. This study examines the development of scientific publications related to information literacy in higher education. It focuses on publication volume, growth patterns, and research trends during the period 1998-2023. The authors employed a bibliometric analysis approach using specialized software tools for data processing and visualization. Specifically, VOSviewer and Biblioshiny (RStudio) were utilized in the analysis. A total of 279 publications on information literacy in higher education, spanning from 1998 to 2023, were retrieved from the Scopus database for analysis. Several notable findings emerged from the analysis: Publication output on this topic peaked in 2021 and 2022; several top-ranked Scopus-indexed journals were identified as prominent publication venues on this topic; keyword analysis revealed that research themes in this field have centered on information literacy; the analysis also identified the countries and institutions that contributed the most publications on this topic. These findings indicate that research on the information literacy of university faculty is attracting growing interest. This comprehensive bibliometric analysis provides a foundation for guiding further studies on the topic. It also assists educational administrators in formulating effective strategies to enhance information literacy in higher education.

Keywords: Information competence; higher education; information.

MỞ ĐẦU

Trong thời đại thông tin bùng nổ như hiện nay, năng lực thông tin (NLTT) trở thành một kỹ năng sống thiết yếu không chỉ giúp chúng ta tiếp cận, tìm kiếm và xử lý thông tin một cách hiệu quả mà còn trang bị cho chúng ta khả năng sáng tạo, giải quyết vấn đề và thích ứng với sự thay đổi không ngừng của xã hội. Sở hữu NLTT tốt sẽ giúp chúng ta thành công trong học tập, công việc và cuộc sống.

Theo Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ (ALA): “NLTT là khả năng nhận biết nhu cầu thông tin của bản thân, cũng như khả năng định vị, đánh giá và sử dụng hiệu quả thông tin tìm được” [ALA, 2000]. UNESCO khẳng định: “NLTT là sự kết hợp của kiến thức, sự hiểu biết, các kỹ năng và thái độ mà mỗi thành viên cần hội tụ đầy đủ trong xã hội thông tin. Khi mỗi cá nhân có NLTT thì họ sẽ phát triển khả năng lựa chọn, đánh giá, sử dụng và trình bày thông tin một cách hiệu quả” [UNESCO, 2005].

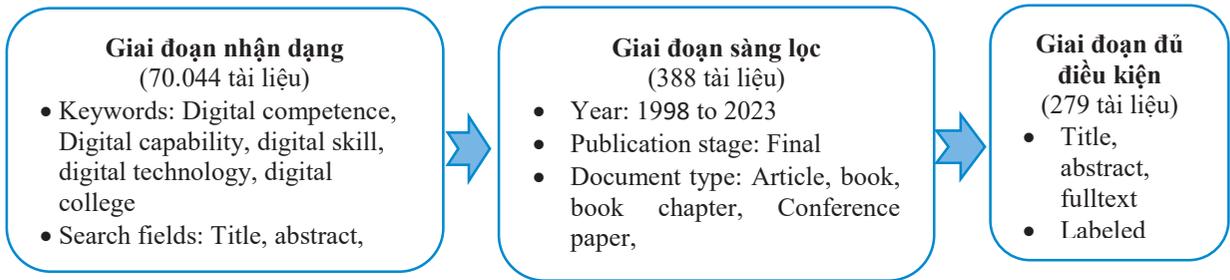
Trên nền tảng đó, việc nâng cao NLTT trong giáo dục đại học giúp hỗ trợ cho sinh viên, giảng viên trong việc dạy và học. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã tiến hành phân tích một cách toàn diện các thông tin về quốc gia, nguồn xuất bản, tác giả và từ khóa trên cơ sở dữ liệu (CSDL) Scopus nhằm xác định xu hướng nghiên cứu về NLTT số trong môi trường giáo dục đại học. Một tập hợp các nghiên cứu điển hình về NLTT cho sinh viên, giảng viên sẽ tạo điều kiện đánh giá toàn diện bối cảnh nghiên cứu trên toàn thế giới. Việc phân tích sẽ cung cấp những hiểu biết định lượng có giá trị cho các học giả muốn khám phá chủ đề này trong nghiên cứu trong tương lai. Đã có nhiều nghiên cứu về NLTT bao gồm: phân tích khái niệm, lịch sử cũng như tổng quan [Shirley J. Behrens, 1994], vai trò của NLTT [Nzomo, P. et al., 2020], phân tích bối cảnh toàn cầu về NLTT trong giáo dục [Heidi Julien et al., 2005], phân tích và so sánh các chính sách về NLTT ở các nước châu Âu [Carla Basili, 2011], hoặc các nghiên cứu về NLTT tại các nước Đông Nam Á [Haleema Saadia et al., 2022].

Có nhiều kỹ thuật khác nhau để tiến hành đánh giá, chẳng hạn như phân tích mạng trích dẫn, phân tích nội dung và lập bản đồ chủ đề. Trong nghiên cứu này, phân tích trắc lượng thư mục là một công cụ có giá trị để đánh giá hoạt động khoa học một cách định lượng bằng cách kiểm tra hình thức và nội dung của tài liệu khoa học [Broadus, 1987]. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm trả lời những câu hỏi sau:

- Tình hình xuất bản các ấn phẩm, các ấn phẩm truy cập mở về NLTT theo từng năm?
- Quốc gia nào có ảnh hưởng nhất trong nghiên cứu về NLTT?
- Tạp chí nào có sức ảnh hưởng nhất trong nghiên cứu này?
- Nhà nghiên cứu có ảnh hưởng nhất là ai?
- Bài viết được trích dẫn nhiều nhất?

1. PHƯƠNG PHÁP

Phân tích trắc lượng thư mục được Pritchard giới thiệu lần đầu tiên vào năm 1969 và từ đó đã được sử dụng rộng rãi để kiểm tra những tiến bộ khoa học trên nhiều lĩnh vực khác nhau, ở cấp địa phương và toàn cầu. Trong nghiên cứu cụ thể này, phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu [Ha et al., 2020], được sử dụng để tiến hành phân tích trắc lượng thư mục. Phương pháp phân tích trắc lượng thư mục bao gồm một số thống kê mô tả về mạng lưới các tác giả, tạp chí, trường đại học, quốc gia và từ khóa nghiên cứu thông qua dữ liệu trích dẫn và các kĩ thuật phân tích tần suất. Nghiên cứu này sử dụng kĩ thuật phân tích quan hệ đồng từ (co-word) và phân tích đồng xuất hiện (co-occurrence) của các từ khóa nghiên cứu. Thống kê quan hệ đồng từ (co-word) cho phép chúng tôi khám phá số lượng và mô hình chung của các nghiên cứu đã xuất bản về chủ đề NLTT cho sinh viên. Dữ liệu cho nghiên cứu này được thu thập từ Scopus - CSDL khoa học lớn nhất và được sử dụng rộng rãi nhất hiện có [Jeroen Baas et al., 2019]. Dữ liệu được xử lý thông qua các bước sau:



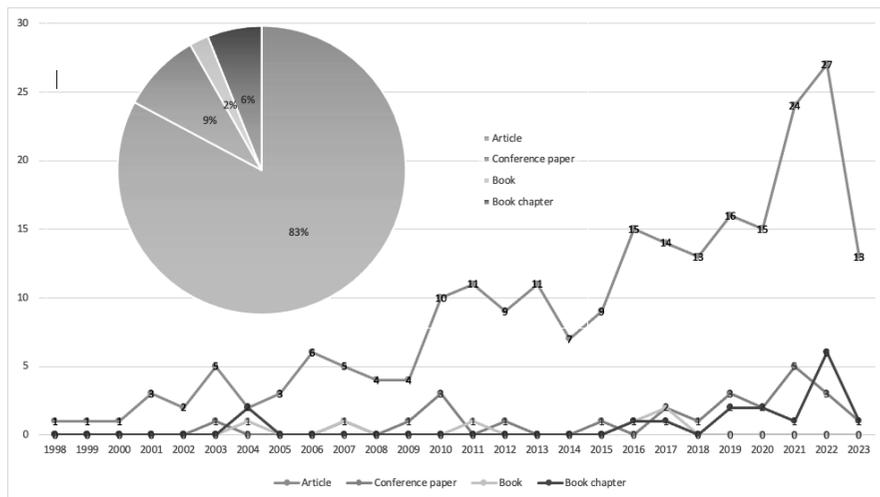
Hình 1. Quy trình thu thập dữ liệu theo hướng dẫn PRISMA (Dữ liệu thu thập từ Scopus: <https://scopus.com/> ngày 14 tháng 8 năm 2024)

Bảng 1. Thông tin chính của bộ sưu tập (Giai đoạn 1998-2023)

Mô tả	Kết quả
Tổng số nguồn (tạp chí, sách, v.v.)	173
Tổng số tài liệu về NLTT	279
Tổng số tài liệu tham khảo cho 279 tài liệu về NLTT	8.292
Tổng trích dẫn của 279 tài liệu trong các công trình khác	2.581
Số trích dẫn trung bình của 279 tài liệu	9,25
Tổng số tác giả của 279 tài liệu về NLTT	598

2. KẾT QUẢ

2.1. Thông tin chung về tuyển tập ấn phẩm



Hình 2. Quỹ đạo tăng trưởng tài liệu về NLTT từ 1998 đến 2023

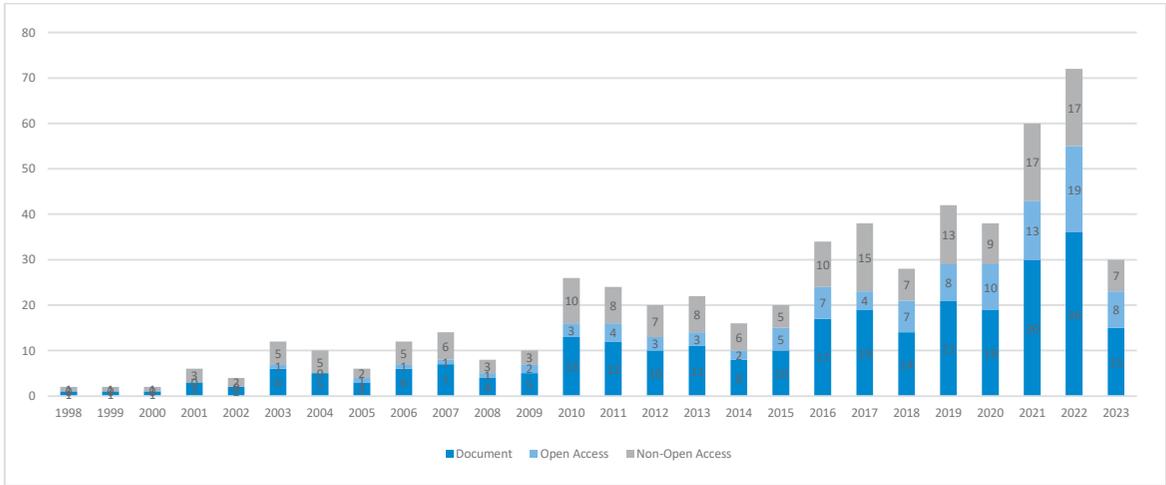
Với kết quả 279 tài liệu về NLTT trên Scopus giai đoạn 1998-2023 đã cho thấy sự tăng trưởng đáng kể. Có 231 bài (83%) trên các tạp chí, 25 bài từ các hội nghị (9%), 17 bài chương sách (6%) và 6 sách (2%). Bài báo đầu tiên về NLTT được công bố năm

1998, số lượng nghiên cứu có sự gia tăng dần và bứt phá trong năm 2021, 2022 với số lượng bài báo cao nhất (n=30, n=36) chiếm 23.66% tổng số ấn phẩm. Điều này chứng tỏ nội dung này ngày càng thu hút sự quan tâm lớn của cộng đồng học thuật.

2.2. Các ấn phẩm truy cập mở

Xuất bản truy cập mở trở thành xu hướng quan trọng trong nghiên cứu khoa học hiện nay. Từ ấn phẩm đầu tiên về NLTT được truy cập mở vào năm 2003 (hình 3) đến năm 2024 đã có 103/279 (36,92%) ấn phẩm được truy cập mở. Ấn tượng

nhất là năm 2020, 2022 và 2023, số lượng ấn phẩm truy cập mở đã vượt qua ấn phẩm không truy cập mở. Điều này chứng minh xu hướng ngày càng gia tăng của việc công bố nghiên cứu mở, giúp tăng cường khả năng tiếp cận và chia sẻ thông tin khoa học.



Hình 3. Tài liệu, truy cập mở và không truy cập mở về NLTT

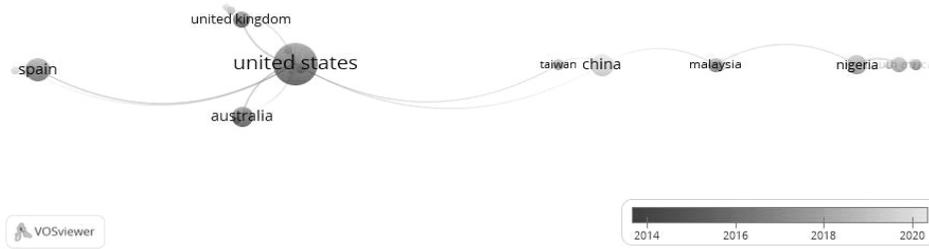
2.3. Các quốc gia có năng suất cao nhất và mạng lưới hợp tác toàn cầu

Bảng 2. Các quốc gia có năng suất cao nhất xếp hạng theo số lượng công bố

STT	Quốc gia	Bài viết	%	Trích dẫn	%	Trích dẫn/Bài viết
1	Hoa Kỳ	72	25,80	699	23,54	9,70
2	Tây Ban Nha	21	7,52	415	13,98	19,76
3	Trung Quốc	20	7,17	101	3,40	5,05
4	Úc	17	6,09	193	6,50	11,35
5	Liên bang Nga	16	5,73	136	4,58	8,50
6	Nigeria	15	5,37	79	2,66	5,27
7	Vương quốc Anh	11	3,94	200	6,74	18,18

Bảng 2 cho thấy bảy quốc gia có năng suất cao nhất dựa trên số lượng bài viết và trích dẫn được tích lũy. Hoa Kỳ đứng đầu chiếm khoảng ¼ cả về số bài (25,80%) và tổng số trích dẫn (23,54%). Quốc gia thứ hai là Tây Ban Nha với số lượng xuất bản là 7,52% và tổng số trích dẫn 13,98% nhưng lại đứng đầu về số lượng trích dẫn trung bình (19,76). Tiếp theo là các quốc gia còn lại với số lượng công bố không quá 20 bài và lượng trích dẫn không quá 200 lượt.

Hình 4 minh họa sự thay đổi trong hợp tác nghiên cứu về NLTT trong GDDH theo thời gian. Các quốc gia có từ 2 ấn phẩm trở lên được phân loại theo giai đoạn nghiên cứu: Hoa Kỳ, Vương quốc Anh và Úc đã hợp tác chặt chẽ từ giai đoạn đầu, trong khi Trung Quốc nổi lên như một cường quốc nghiên cứu trong lĩnh vực này trong những năm gần đây. Tuy nhiên, sự liên kết giữa Trung Quốc và các quốc gia khác vẫn còn hạn chế.



Hình 4. Mạng lưới hợp tác của 39 quốc gia
[Nguồn: nhóm tác giả sử dụng VOSviewer để biên soạn]

2.4. Nguồn được xuất bản nhiều nhất

Bảng 3. 10 tạp chí có số lượng bài viết về NLTT nhiều nhất

STT	Tạp chí	Quốc gia	Bài viết	Trích dẫn	Chỉ mục Scopus*	H-index
1	Library Philosophy and Practice	Hoa Kỳ	16	45	Q3	27
2	Journal of information literacy	Vương quốc Anh	11	28	Q3	16
3	Reference services review	Vương quốc Anh	10	174	Q1	43
4	Behavioral and social sciences librarian	Hoa Kỳ	6	65	Q4	18
5	International journal of emerging technologies in learning	Áo	5	49	Q2	46
6	New library world	Vương quốc Anh	5	42	NA	NA
7	Australian academic and research libraries	Vương quốc Anh	4	42	Q2	32
8	Eurasia journal of mathematics, science and technology education	Thổ Nhĩ Kỳ	4	63	Q2	56
9	Sustainability	Thụy Sĩ	4	56	Q2	169
10	International information and library review	Vương quốc Anh	4	29	Q2	32
Tổng số			69	593		

Trong Bảng 3 với 10 tạp chí (chỉ có 01 tạp chí chưa được xếp loại Q) xuất bản 69 công trình đề cập đến nghiên cứu NLTT và được trích dẫn 593 lần. Library Philosophy and Practice là tạp chí có số lượng công bố lớn nhất trong lĩnh vực này (16

bài), tiếp theo là Journal of information literacy (11 bài) và Reference services review là thứ ba (10 bài). Các nguồn còn lại xuất bản từ 4 đến 6 ấn phẩm. Điều này cho thấy mức độ quan tâm nghiên cứu về NLTT.

Bảng 4. 10 tạp chí có số lượng trích dẫn nhiều nhất trong nghiên cứu về NLTT

STT	Tạp chí	Quốc gia	Bài viết	Trích dẫn	Chỉ mục Scopus*	H-index
1	Reference services review	Vương quốc Anh	10	174	Q1	43
2	Journal of documentation	Vương quốc Anh	3	154	Q1	72
3	Journal of information science	Vương quốc Anh	1	120	Q1	77

STT	Tạp chí	Quốc gia	Bài viết	Trích dẫn	Chỉ mục Scopus*	H-index
4	Library and information science research	Vương quốc Anh	2	88	Q1	68
5	Computers and composition	Vương quốc Anh	1	88	Q1	43
6	Computers in human behavior	Vương quốc Anh	1	84	Q1	251
7	British journal of educational technology	Vương quốc Anh	1	68	Q1	119
8	Behavioral and social sciences librarian	Hoa Kỳ	6	65	Q4	18
9	Eurasia journal of mathematics, science and technology education	Thổ Nhĩ Kỳ	4	63	Q2	56
10	Comunicar	Tây Ban Nha	2	59	Q1	56
Tổng số			31	963		

Bảng 4 trình bày 10 tạp chí có số lượng trích dẫn nhiều nhất trong nghiên cứu về NLTT. Các tạp chí này xuất bản 31 bài viết và được trích dẫn 963 lần. Trong 10 tạp chí có đến 8 tạp chí thuộc Q1 và có chỉ số H-index rất cao, cho thấy được tầm quan trọng của nghiên cứu.

2.5. Các nghiên cứu có ảnh hưởng nhất

Bảng 5 cung cấp thông tin về 5 bài viết được trích dẫn nhiều nhất từ 279 tài liệu, gồm các chi

tiết bổ sung về tác giả và nhà xuất bản của các tác phẩm được chọn. Bài viết được trích dẫn (n=137) nhiều nhất là truy cập mở xuất bản năm 2007, tập trung vào NLTT của giáo viên tiếng Anh. Nghiên cứu này đã khảo sát trong 03 năm để xác định quan niệm của các giáo viên về NLTT và so sánh chúng với các tiêu chuẩn quốc tế. Đây được xem là một nghiên cứu điển hình về lĩnh vực NLTT.

Bảng 5. Năm bài viết được trích dẫn nhiều nhất

TT	Bài viết	Năm	Tạp chí	DT	TC	HIC	BC	MC	RC	OA
1	A phenomenographic study of English faculty's conceptions of information literacy	2007	Journal of Documentation	AR	137	14	61	13	5	OA
2	Design of the IL-HUMASS survey on information literacy in higher education: A self-assessment approach	2010	Journal of Information Science	AR	120	12	53	24	3	Non
3	Investigating the practices of student researchers: patterns of use and criteria for use of internet and library sources	2000	Computers and Composition	AR	88	6	48	2	5	Non
4	Undergraduate students' perspectives on digital competence and academic literacy in a Spanish University	2017	Computers in Human Behavior	AR	84	9	34	4	3	OA

TT	Bài viết	Năm	Tạp chí	DT	TC	HIC	BC	MC	RC	OA
5	From strategic planning to meaningful learning: diverse perspectives on the development of web-based teaching and learning in higher education	2007	British Journal of Educational Technology	AR	68	9	71	5	4	Non

(DT: Loại văn bản; AR: Bài báo; TC: Tổng số tài liệu tham khảo; Y: Năm; HIC: Trích dẫn có ảnh hưởng lớn; BC: Trích dẫn bối cảnh; MC: Phương pháp trích dẫn; RC: Trích dẫn kết quả; OA: Truy cập mở; Thông tin được thu thập từ Semantic Scholar (<https://www.semanticscholar.org>) vào ngày 15 tháng 8 năm 2024)

Các bài viết có ảnh hưởng nhất trong các trích dẫn nghiên cứu đề cập đến các vấn đề rộng lớn chứ không phải một chủ đề cụ thể được thực hiện trong giai đoạn từ năm 2007-2021 với các chủ đề nghiên cứu khác nhau trên các tạp chí khoa học. Điều này

phù hợp với quan điểm cho rằng, trong khoa học xã hội, các bài báo trên tạp chí khoa học thường thú vị hơn các bài báo hội nghị [Fairclough & Thelwall, 2015]. Đây là gợi ý cho người dùng tin khi tìm kiếm tài liệu trong lĩnh vực NLTT trong GDĐH.

2.6. Các tác giả có nghiên cứu hiệu quả nhất

Bảng 6. 10 nhà nghiên cứu có nhiều công bố về NLTT nhất

STT	Tác giả	Quốc gia	Bài viết	Trích dẫn	Lượt trích dẫn/bài
1	Pinto, M.	Tây Ban Nha	4	148	37,00
2	Lupton, M.	Úc	3	77	25,67
3	Maybee, C.	Hoa Kỳ	3	58	19,33
4	Kazinets, V. A.	Nga	3	19	6,33
5	Ledovskikh, I. A.				
6	Manabat, A. R.	Kazakhstan	3	13	4,33
7	Karim, A. A.	Malaysia	3	6	2,00
8	Bilawar, P. B.	Ấn Độ	2	5	2,50
9	Oberg, D.	Canada	3	3	1,00
10	Sanches, T.	Bồ Đào Nha	3	1	0,33
Tổng			27	330	12,22

Bảng 7. 10 nhà nghiên cứu có nhiều trích dẫn

STT	Tác giả	Quốc gia	Bài viết	Trích dẫn
1	Pinto, M.	Tây Ban Nha	4	148
2	Boon, S.	Vương quốc Anh	1	137
3	Johnston, B.	Vương quốc Anh	1	137
4	Webber, S.	Vương quốc Anh	1	137
5	Burton, V. T.	Hoa Kỳ	1	88
6	Chadwick S. A.	Hoa Kỳ	1	88
7	García-Jiménez, E.	Tây Ban Nha	1	84

KẾT LUẬN

Bài viết đã mô tả những xu hướng nghiên cứu toàn cầu về NLTT trong giáo dục đại học giai đoạn 1998-2023. Bằng cách phân tích dữ liệu chi tiết từ Scopus và áp dụng kỹ thuật trắc lượng thư mục, nghiên cứu đã chỉ ra được sự phân bố và xu hướng của từ khóa, đưa ra được những nhà nghiên cứu có ảnh hưởng cùng với sự hợp tác giữa các nhà nghiên cứu, chỉ ra được các quốc gia, tạp chí có mức độ ảnh hưởng. Kết quả cho thấy, các dữ liệu mở ngày càng được phổ biến và các nước phát triển là các quốc gia có số lượng bài viết, lượt trích dẫn vượt trội điển hình. Những tác giả có cùng quốc gia, cơ quan có sự hợp tác chia sẻ kiến thức với nhau. Các tạp chí hàng đầu có rất nhiều bài viết nghiên cứu về NLTT trong giáo dục đại học, cho thấy được sự quan tâm của học giả đối với vấn đề này. Các từ khóa về NLTT, năng lực số, kỹ năng thông tin, kỹ năng số, kỹ năng công nghệ thông tin được các tác giả quan tâm nghiên cứu. Những kết quả nghiên cứu cho thấy một sự tăng trưởng đáng kể về số lượng và chất lượng các công trình nghiên cứu trong giai đoạn 2021-2022.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng mức độ NLTT trong giáo dục đại học còn nhiều hạn chế, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy. Các yếu tố như tuổi tác, chuyên ngành và cơ sở vật chất có ảnh hưởng đáng kể đến năng lực này. Để nâng cao NLTT trong giáo dục đại học, cần có sự đầu tư mạnh mẽ vào đào tạo, trang bị cơ sở vật chất hiện đại và xây dựng một môi trường làm việc khuyến khích đổi mới. Kết quả nghiên cứu cho cái nhìn tổng quan trên thế giới về nghiên cứu NLTT trong giáo dục đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ALA, (2000). Information Literacy Competency Standards for Higher Education Chicago: American Library Association.

2. Basili, C. (2011). A framework for analyzing and comparing information literacy policies in European countries. *library trends*, 60(2), 395-418.

3. Broadus, R. N. (1987). Toward a definition of "bibliometrics." *Scientometrics*, 12(5-6), 373-379. <https://doi.org/10.1007/BF02016680>.

4. Ha, C. T., Thao, T. T. P., Trung, N. T., Huong, L. T. T., Van Dinh, N., & Trung, T. (2020). A bibliometric review of research on STEM education in ASEAN: Science mapping the literature in Scopus database, 2000 to 2019. *EURASIA Journal of Mathematics, Science and Technology Education*, 16(10), em1889. <https://doi.org/10.29333/ejmste/8500>.

5. Haleema Saadia (2022). *Workplace Information Literacy: Current State of Research* Published from South-Asia.

6. Heidi Julien (2005). *Education for Information Literacy Instruction: A Global Perspective*.

7. Jeroen Baas, Michiel Schotten, Andrew Plume, Grégoire Côté, and Reza Karimi (2019). Scopus as a curated, high-quality bibliometric data source for academic research in quantitative science studies.

8. Nzomo, P. and Fehrmann, P. (2020). Advocacy engagement: The role of information literacy skills. *Journal of Information Literacy*, 14(1), pp. 41-65.

9. Shirley J. Behrens (1994). *A Conceptual Analysis and Historical Overview of Information Literacy*.

10. UNESCO (2005). *Development of Information Literacy through School Libraries in South-East Asian Countries (IFAP Project 461RAS5027)*. Bangkok: Unesco, 12p.

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-7-2025;

Ngày phản biện đánh giá: 12-8-2025;

Ngày chấp nhận đăng: 15-10-2025